

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC - 9 VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2026/DS-ST.

Ngày: 25 - 7 - 2026.

V/v tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Ngọc Sơn - Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Tuyết Phi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 395/2025/TLST – DS ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 310/2026/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 204/2026/QĐST – DS ngày 10 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty T2 (gọi tắt JIVF); địa chỉ trụ sở: Lầu A Tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Narita C - Chức vụ: Tổng Giám Đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Narita C: Bà Trần Việt N – Chức vụ: Phó Bộ phận quản lý công nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Việt N: Công ty L; địa chỉ: số A Đường N, khóm E, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn T – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty L: Bà Nguyễn Tuyết T1, sinh năm: 1997; địa chỉ: B khóm D, phường T, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Ngọc Q, sinh năm 1982; địa chỉ: 2 ấp T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt, trong quá trình tố tụng nguyên đơn Công ty T2 trình bày:

Ngày 13/09/2022 ông Huỳnh Ngọc Q ký hợp đồng tín dụng số 930030003111350000 với Công ty T2 vay tiền mặt theo hình thức trả góp hàng tháng. Số tiền vay 100.000.000 đồng. Lãi suất 28,0800%/năm. Thời hạn vay 36 tháng.

Thực hiện hợp đồng Công ty T2 đã giải ngân số tiền trên theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và ông Q đã nhận tài sản.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, ông Q có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc, lãi và phí trong vòng 36 tháng, mỗi tháng ông Q phải thanh toán cho Công ty T2 số tiền là 4.152.682 đồng vào trước hoặc đúng ngày 12 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ 12/10/2022.

Từ ngày 12/10/2022 đến ngày 12/10/2023 ông Q thanh toán cho Công ty T2 được số tiền là 49.870.092 đồng, trong đó gồm: tiền gốc: 24.843.640 đồng; lãi trong hạn: 24.845.773 đồng; lãi quá hạn: 36.679 đồng; phí: 144.000 đồng

Tuy nhiên, từ sau ngày 12/10/2023 đến nay, ông Q không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T2 và cố tình lẩn tránh.

Vì vậy, việc ông Q không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Công ty T2.

Căn cứ Điều 3; Điều 7; Điều 8; Điều 11 hợp đồng số 930030003111350000 ngày 13/09/2022. Công ty T2 yêu cầu:

Ông Huỳnh Ngọc Q phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Công ty T2, tổng số tiền tính đến hết ngày 19/5/2026 là 105.536.620 đồng, gồm: nợ gốc 75.156.360 đồng; lãi trong hạn 23.890.329 đồng; lãi quá hạn 6.333.391 đồng; phí 156.000 đồng. Đồng thời yêu cầu ông Huỳnh Ngọc Q tiếp tục phải thanh toán cho Công ty T2 Jacc tiền lãi, lãi quá hạn và phí từ ngày 20/5/2026 cho đến khi hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 930030003111350000 ngày 13/09/2022.

** Bị đơn ông Huỳnh Ngọc Q vắng mặt nên không có lời trình bày.*

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền: Nguyễn Thị Tuyết T1 đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 85, 86 BLTTDS. Bị đơn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Qua các tài liệu có trong hồ sơ, nhận thấy Hợp đồng tín dụng giữa JIVF và ông Huỳnh Ngọc Q được giao kết hoàn toàn tự nguyện theo hình thức trực tuyến, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 22 và Điều 35 Luật Giao dịch điện tử cùng các quy định pháp luật về hợp đồng tín dụng. Mức lãi suất cho vay, lãi chậm trả và các khoản phí hoàn toàn phù hợp với Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ đúng hạn và cố tình trốn tránh nghĩa vụ. JIVF đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền lợi bị xâm phạm, trong khi bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, thể hiện sự từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ hợp pháp.

Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 BLTTDS 2015; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 161 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, Điều 22, 35 Luật giao dịch điện tử; các khoản 2, 3, 4 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP đề chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Huỳnh Ngọc Q phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho JIVF tổng số tiền tính đến ngày 19/5/2026 là 105.536.620 đồng. Trong đó nợ gốc là 75.156.360 đồng, lãi trong hạn là 23.893.329 đồng, lãi quá hạn là 6.333.391 đồng, phí 156.000 đồng. Buộc ông Q tiếp tục thanh toán tiền lãi, lãi quá hạn, phí từ ngày 20/5.2026 cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng 930030003111350000 ngày 13/9/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2 yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Ngọc Q trả tiền vay nên xác định đây là tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông

Huỳnh Ngọc Q, có địa chỉ cư trú tại 2 ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 –Vĩnh Long.

[3] Về tố tụng: nguyên đơn Công ty T2 có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Huỳnh Ngọc Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Vì vậy căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp: nguyên đơn Công ty T2 yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Ngọc Q có nghĩa vụ trả số tiền vay tính đến ngày 19/5/2026 là 105.536.620 đồng, gồm: nợ gốc 75.156.360 đồng; lãi trong hạn 23.890.329 đồng; lãi quá hạn 6.333.391 đồng; phí 156.000 đồng. Đồng thời yêu cầu ông Q phải thanh toán cho Công ty T2 Jacc tiền lãi, lãi quá hạn và phí từ ngày 20/5/2026 cho đến khi hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 930030003111350000 ngày 13/09/2022.

[5] Về nghĩa vụ trả tiền, Hội đồng xét xử thấy rằng: trong quá trình khởi kiện nguyên đơn có cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: hợp đồng tín dụng số 930030003111350000 13/09/2022 giữa ông Huỳnh Ngọc Q và Công ty T2, Bảng chính văn bản Ủy nhiệm chi ngày hạch toán 14/9/2022, Giấy chứng nhận quyền sử dụng chứng thư FPT CA làm căn cứ xác định giữa nguyên đơn Công ty T2 và bị đơn ông Huỳnh Ngọc Q có xác lập, thực hiện hợp đồng vay tài sản, số tiền mà ông Q vay của Công ty T2 và Công ty T2 giải ngân vào tài khoản của ông Q là 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng đây là những tình tiết, văn bản mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay thì ông Q có trả một phần nợ gốc và tiền lãi, tuy nhiên sau ngày 12/10/2023 cho đến nay thì không thực hiện đúng hợp đồng vay theo thỏa thuận. Bị đơn Huỳnh Ngọc Q đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ lãi trong hạn và tiền nợ gốc khi đến hạn nên dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Ngọc Q mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, bản sao Đơn khởi kiện, bản sao các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp và được triệu tập hợp lệ để nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng bị đơn ông Huỳnh Ngọc Q vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến phản đối về các chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận nên cần buộc bị đơn ông Huỳnh Ngọc Q có nghĩa vụ trả cho Công ty T2 Jaccs tổng số tiền 105.536.620 đồng, trong đó: nợ gốc 75.156.360 đồng; lãi trong hạn 23.890.329 đồng; lãi quá hạn 6.333.391 đồng; phí 156.000 đồng là phù hợp với quy định Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[6] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 244; các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1: Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 161 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, Điều 22, 35 Luật giao dịch điện tử;

Áp dụng các khoản 2, 3, 4 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2 đối với bị đơn ông Huỳnh Ngọc Q. Buộc ông Huỳnh Ngọc Q có nghĩa vụ trả cho Công ty T2 số tiền vay còn nợ tính đến ngày 19/5/2026 với tổng số tiền 105.536.620 đồng, trong đó: nợ gốc 75.156.360 đồng; lãi trong hạn 23.890.329 đồng; lãi quá hạn 6.333.391 đồng; phí 156.000 đồng. Đồng thời ông Huỳnh Ngọc Q phải có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh từ ngày 20/5/2026 tính theo mức lãi suất của Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ cho Công ty T2.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Huỳnh Ngọc Q có nghĩa vụ chịu 5.277.000 đồng.
- Công ty T2 được Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.497.000 đồng theo biên lai thu số 0008662 ngày 23/01/2025 của Thi

hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9- Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Cẩm Nhung